

Bản án số: **24/2019/HS-ST**

Ngày: 24/12/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ng Tùng;

Thẩm phán: Ông Trần Minh Nhật;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bảo, ông Lê Xuân Dũng và ông Trần Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Minh – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Thị Mỹ H, sinh ngày: 20/12/1991; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện X, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình Đ văn hóa (học vấn): 12/12; con ông Võ Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có chồng Lê Đình C, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 con, sinh ngày 06/12/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày: 21/02/2019; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Mỹ H:

1. Theo yêu cầu của bị cáo: Ông Nguyễn Hoài P – Luật sư, Chi nhánh Văn phòng Luật sư BH, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Tà Nội; địa chỉ: Số 26/29 Cao Bá Quát, phường P, thành phố N, tỉnh KH; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Theo yêu cầu của Tòa án: Bà Huỳnh Thị T – Luật sư, Văn phòng Luật sư Huy H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Số 01/1 Trần Cao Vân, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt nhưng bị cáo từ chối, nên chấm dứt việc chỉ định người bào chữa.

- Các bị hại:

1. Lê Thị Thị Ng Th1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 05/1 Tân Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Lê Thị Thị Ng Th2, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 07/9 Lê L, phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1985; nơi cư trú: 73 Nguyễn H, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Cao Thị Út H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 23, đường BH8, khu Bích H, phường Phú Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố Lê Thành Ph, phường 8, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Hoàng Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố Liên Tr 2, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1993; nơi cư trú: 110 Trần Ph, thị trấn Củng S, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1988; nơi cư trú: 110 Trần Ph, thị trấn Củng S, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Phan Hữu H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố Trung Hữu H, thị trấn Củng S, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Lê Thị Thị Ng T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố Mỹ Lệ Đ, thị trấn Phú Th, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

11. Nguyễn Trình Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Phụng T 1, xã H Trị, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

12. Phạm Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đại B, xã H Quang Nam, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

13. Phan Thị Thảo Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố Mỹ Ch, phường Ninh G, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1986; nơi cư trú: 246 Nguyễn Công T, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Huỳnh Trọng K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu phố Lê D, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Huỳnh Hoàn H H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố Lê D, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Mai Thị Thu Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố Liên T 2, xã Bình Kiến, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Trần Nguyễn Minh L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố Ninh T 5, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

6. Nguyễn Thị Lan Ph, sinh năm 1982; nơi cư trú: 40 Ngô Q, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

7. Lê Thị Hoài Th, sinh năm 1978; nơi cư trú: 153 Lê Thánh T, phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

8. Trần Thị Thu H, sinh năm 1985; nơi cư trú: 109/2 Chu Văn A, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
9. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991; nơi cư trú: 78/23 Nguyễn Công Tr, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.
10. Võ Thị Ph, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Liên Tr 2, xã Bình K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.
11. Trương Thị Thu Th, sinh năm 1996; nơi cư trú: 21/13 Nguyễn Công Trứ, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
12. Nguyễn Thị Hoàng Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: 21/13 Nguyễn Công Tr, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
13. Bùi Thị Thu C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Tân Phú, xã Suối Bạc, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
14. Lê Thị Huỳnh Thanh B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện X, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
15. Võ Hùng C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện X, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
16. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu phố Trung H, thị trấn Củng S, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
17. Cao Đắc C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn TH Hội, xã Sơn Hà, huyện Sơn H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
18. Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Phú C, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
19. Lê Đình Ch, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn L Nghiệp, xã H Bình 1, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
20. Lê Thị Kim C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn L Nghiệp, xã H Bình 1, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
21. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Phước N, xã H Bình 1, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên; có mặt.
22. Phạm Hùng C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Ân N, xã H An, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; có mặt.
23. Huỳnh Huy C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đông L, xã H Quang Bắc, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
24. Ksor L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Buôn D, thị trấn Hai R, huyện Sông H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.
25. Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: 295/2/12 Hoàng Văn Th, phường Ngô M, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.
26. Nguyễn Minh V, sinh năm 1983; nơi cư trú: 295/2/12 Hoàng Văn Thụ, phường Ngô M, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.
27. Bùi Thị Cẩm Ng, sinh năm 1989; nơi cư trú: 87 Huỳnh M, tổ 10, khu vực 5, phường Trần Quang D, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

28. Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

29. Nguyễn Đức L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thông Quảng Th, xã Đức Th, huyện Tánh L, tỉnh Bình Th; vắng mặt.

30. Huỳnh Thị Ng T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Chính Ng, xã An Ph, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Giảng viên Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 04/2017, Võ Thị Mỹ H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đưa ra thông tin gian dối đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, có nhiều đơn đặt hàng, cần vốn để kinh doanh. H rủ nhiều người góp tiền mua bán tổ yến, hứa sẽ trả tiền góp và tiền lợi nhuận đầy đủ. Thực tế, H không mua bán tổ yến nhưng để tạo lòng tin, H tự đặt ra đơn hàng và mức tiền lời rồi rủ người khác góp tiền, một số lần đầu H trả đầy đủ tiền góp và tiền lời. Tin lời H, từ tháng 04/2017 đến 06/2018, có 13 người đã đưa tiền cho H tổng số **4.643.000.000** đồng, H nhận tiền nhưng không mua bán tổ yến, không trả tiền góp và lợi nhuận như đã hứa mà chiếm đoạt, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng tháng 04/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin nói với chị Lê Thị Thị Ng Th có nhiều đơn hàng nhưng thiếu vốn và rủ Th góp tiền, H hứa sẽ trả đủ tiền góp, lợi nhuận. Những lần đầu, H thông báo đơn hàng số tiền ít, đúng hạn trả tiền góp và tiền lời đầy đủ. Từ tháng 04/2017 đến tháng 12/2017, chị Th đã nhiều lần đưa tiền và chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H tổng số tiền là **218.000.000** đồng. H nhận tiền nhưng không mua bán tổ yến mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 2: Tin tưởng H có mua bán tổ yến, chị Lê Thị Thị Ng Th đã giới thiệu H với hai chị ruột là Lê Thị Thị Ng Th1 và Lê Thị Thị Ng Th2. H cũng nói đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao và rủ Th1, Th2 góp tiền, hứa sẽ trả đủ tiền góp vốn cộng với tiền lợi nhuận. Để Th1, Th2 tin tưởng, thời gian đầu H trả đầy đủ tiền góp vốn và tiền lợi nhuận như đã hứa, sau đó tiếp tục rủ Th1, Th2 góp tiền đưa cho H. Từ tháng 06/2017 đến 12/2017, các chị Th1 và Th2 đồng ý đưa tiền góp vốn, H đã nhờ Huỳnh Thị Ng T đến gặp Th1 nhận tiền 08 lần, tổng cộng **1.848.900.000 đồng** và gặp Th2 nhận 04 lần, tổng cộng **795.000.000 đồng** đưa lại cho H. H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Th2 phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho chị Th2 **52.900.000 đồng**.

Vụ thứ 3: Khoảng tháng 9/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin cho chị Nguyễn Thị Tuyết Nh nói đang mua bán tổ yến có lợi nhuận cao và rủ Nh góp tiền vốn mua bán tổ yến cùng chia lợi nhuận. Lần đầu H nói Nh góp 6.400.000 đồng, lợi nhuận là 1.400.000 đồng, đúng hạn H đưa cho Nh 7.800.000 đồng. Lần thứ hai, H nói Nh góp 9.600.000 đồng, lợi nhuận là 2.100.000 đồng, đúng hạn H đưa cho Nh 11.700.000 đồng. Sau đó, từ ngày 29/12/2017 đến ngày 20/4/2018 Nh đã 11 lần đưa tiền cho H, trong đó 07 lần đưa trực tiếp 331.000.000 đồng, H nhờ Huỳnh Thị Hồng L nhận 03 lần 70.600.000 đồng và 01 lần chuyển 4.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là **405.600.000 đồng**. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Nh phát hiện yêu cầu trả lại tiền thì H trả cho Nh **54.200.000 đồng**.

Vụ thứ 4: Khoảng tháng 06/2017, H gọi điện thoại, nhắn tin cho anh Nguyễn Trình Đ nói H đang mua bán tổ yến có lợi nhuận cao và nhiều lần rủ Đ góp tiền mua bán tổ yến, H nói gần tết âm lịch nếu góp tiền mua nhiều đơn hàng sẽ thu được lợi nhuận cao. Tin lời H, trong tháng 01/2018, Đ đã 02 lần đưa tiền cho H tổng cộng **131.000.000** đồng, trong đó H gặp trực tiếp nhận 56.000.000 đồng và nhờ Huỳnh Thị Hồng L nhận đưa lại cho H 75.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Anh Đ phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho Đ **74.450.000 đồng**.

Vụ thứ 5: Năm 2017, trong thời gian học việc tại khoa Nội tổng hợp bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên, H quen biết chị Cao Thị Út H là bác sĩ đang công tác tại Khoa, H nói với H là đang buôn bán tổ yến khắp cả nước, rất nhiều đơn hàng, có đơn hàng vài trăm triệu, có đơn lên đến trên một tỷ đồng, lợi nhuận cao và nhiều lần gọi điện, nhắn tin rủ H góp vốn. Lần đầu H nói H góp 35.000.000 đồng, tiền lợi nhuận là 3.400.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho H 38.400.000 đồng. Sau đó từ ngày 23/12/2017 đến ngày 27/5/2018, H đã 12 lần đưa tiền cho H góp vốn mua bán tổ yến, trong đó 05 lần chuyển 47.300.000 đồng vào các tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 và tài khoản ngân hàng Agribank số 4600205263735 tên Võ Thị Mỹ H; 01 lần chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000517255 tên Huỳnh Thị Hồng L, 03 lần đưa trực tiếp cho H 52.700.000 đồng và 02 lần đưa 13.000.000 đồng cho Huỳnh Thị Ng T, 01 lần đưa 22.000.000 đồng cho Huỳnh Thị Hồng L, tổng số tiền là **145.000.000** đồng. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến, không trả lại tiền góp và lợi nhuận như đã hứa mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 6: Khoảng đầu năm 2018, H nói với chị Phan Thị Thảo Ng đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, có nhiều đơn hàng, hiện đang Thiếu vốn nên rủ Ng góp tiền mua bán tổ yến, H sẽ chia lợi nhuận cao. H tự đặt giá tiền đơn hàng rồi rủ Ng chuyển tiền góp vốn. Tin tưởng H, từ ngày 11/01/2018 đến ngày 21/01/2018, Ng đã 02 lần chuyển cho H số tiền 34.100.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, một lần gửi 14.000.000 đồng qua dịch vụ phát nhanh tên người nhận là Huỳnh Thị Ng T và chuyển 24.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000475849 tên Huỳnh Trọng K, tổng số tiền là **72.100.000 đồng**. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Ng phát hiện nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho chị Ng **30.000.000 đồng**.

Vụ thứ 7: Khoảng đầu tháng 2/2018, H nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nói với chị Nguyễn Thị Diễm Ph là H mua bán tổ yến đã lâu, số lượng lớn, lợi nhuận cao, có nhiều khách hàng đặt mua tổ yến nhưng Thiếu vốn nên rủ Phúc góp vốn. H nói Phúc góp thử một hai đơn hàng nhỏ nếu thấy được thì cùng góp vốn. Lần đầu H nói Phúc góp 3.200.000 đồng, tiền lợi nhuận là 600.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho Phúc 3.800.000 đồng. Tin tưởng H buôn bán tổ yến, từ ngày 25/2/2019 đến ngày 20/3/2019, Phúc đã 04 lần chuyển 131.800.000 đồng cho H qua các tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 và tài khoản ngân hàng Agribank số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H và một lần chuyển cho H 9.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Agribank số 4605220006160 tên Huỳnh Thị Ng T, tổng số tiền là **141.400.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Phúc phát hiện yêu cầu trả tiền thì H trả cho Phúc **10.000.000 đồng**.

Vụ thứ 8: Khoảng tháng 01/2018, H nhiều lần gọi điện, nhắn tin rủ chị Nguyễn Thị Kim H góp tiền mua bán tổ yến, H hứa sẽ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận đầy đủ. Sau đó, H liên tục thông báo có đơn hàng mới và rủ Kim H góp tiền mua bán tổ yến. Tin lời H, từ ngày 15/02/2018 đến ngày 25/7/2018, Kim H đã 03 lần chuyển 142.200.000 đồng qua tài khoản ngân hàng Agribank số 4600205263735 tên Võ Thị Mỹ H và chuyển 44.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000233126 tên Nguyễn Thị Lan P và gửi 100.000.000 đồng qua dịch vụ xe buýt tuyến Tuy Hữu H – Sơn Hữu H cho H, tổng số tiền là **286.200.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Kim H nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho Kim H **7.000.000 đồng**.

Vụ thứ 9: Khoảng tháng 02/2018, H gọi điện thoại, nhắn tin rủ chị Phạm Thị L góp tiền mua bán tổ yến, H nói nhờ góp tiền mua bán tổ yến với H mà nhiều người có cuộc sống khá lên và vì thấy L khó khăn nên muốn giúp L kiếm thêm thu nhập. H tự đặt ra giá tiền của đơn hàng và rủ L góp tiền. Tin H mua bán tổ yến L đồng ý, trong tháng 02 và tháng 03/2018 L đã đưa cho H 23.000.000 đồng và hai lần chuyển số tiền 98.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H cho H, tổng số tiền là **121.000.000 đồng**. H nhận tiền, không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị L phát hiện nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho L **37.000.000 đồng**.

Vụ thứ 10: Khoảng tháng 01/2018, H nhiều lần điện thoại, nhắn tin nói với chị Nguyễn Thị Mỹ L đang buôn bán tổ yến có lợi nhuận cao và rủ Mỹ L góp tiền, hứa sẽ đưa lại tiền vốn góp và tiền lợi nhuận cao. Lần đầu H nói Mỹ L góp đơn hàng 12.000.000 đồng, tiền lợi nhuận là 4.000.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho chị Mỹ L 16.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục thông báo có đơn hàng và rủ Mỹ L góp tiền, Mỹ L tin tưởng đồng ý, trong tháng 3 và 4/2018 Mỹ L đã 06 lần chuyển tiền cho H vào tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là **268.800.000 đồng**. H nhận tiền không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt. Chị Mỹ L nhiều lần yêu cầu trả tiền thì H trả cho Mỹ L **44.000.000 đồng**.

Vụ thứ 11: Khoảng tháng 04/2018, H gọi điện thoại và gặp nói với chị Hoàng Thị Ng là H đang mua bán tổ yến lợi nhuận cao, hiện có nhiều đơn đặt hàng nhưng H không đủ tiền nên rủ chị Thị Ng góp tiền mua bán tổ yến, H hứa sẽ trả lại tiền góp và lợi nhuận cao. Lần đầu H nói Thị Ng đưa 6.400.000 đồng, lợi nhuận 2.000.000 đồng, đúng hẹn H đưa cho Thị Ng 8.400.000 đồng. Từ ngày 17/4/2018 đến ngày 27/4/2018 Thị Ng đã 04 lần chuyển tiền cho H vào các tài khoản ngân hàng BIDV số 59010000611175; tài khoản ngân hàng Agribank số 4605205166687 tên Võ Thị Mỹ H, tổng số tiền là **114.000.000 đồng**. H nhận tiền, không sử dụng mua bán tổ yến, trả tiền góp vốn, tiền lợi nhuận cho Thị Ng như đã hứa mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 12: Khoảng đầu tháng 06/2018, H gọi điện thoại, nhắn tin cho anh Phan Hữu H nói đang kinh doanh mua bán tổ yến, lấy từ Nha Trang, Phú Yên giá thấp sau đó bán lại giá cao, nhiều lợi nhuận và rủ Hữu H góp tiền mua bán tổ yến, hứa sẽ trả đầy đủ tiền góp và tiền lợi nhuận. Tin lời H, từ ngày 07/6/2018 đến ngày 09/6/2018, Hữu H 04 lần chuyển tiền cho H qua các tài khoản ngân hàng BIDV do H cung cấp gồm, tài khoản số 4600205266710 tên Lê Thị Thị Ng Th 35.000.000 đồng; tài khoản số 58110000091975 tên Bùi Thị Cẩm Ng 25.000.000 đồng và tài khoản số 59010000611175 tên Võ Thị Mỹ H 16.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục nói dối với

Hữu H là phải chuyển 20.000.000 đồng để H nộp vào công ty kinh doanh tổ yến mà H có cổ phần để rút ra 120.000.000 đồng tiền ứng trả cho Hữu H, Hữu H chuyển tiếp vào tài khoản ngân hàng của H 20.000.000 đồng. Tổng cộng Hữu H đã chuyển cho H là **96.000.000 đồng**, sau khi nhận tiền, H không sử dụng mua bán tổ yến mà chiếm đoạt.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Võ Thị Mỹ H về tội về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Võ Thị Mỹ H thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền **4.643.000.000** đồng của 13 người bị hại như nội dung Cáo trạng đã nêu; tuy nhiên bị cáo cho rằng, số tiền mà 13 người bị hại đưa cho bị cáo đã sử dụng để mua tổ yến của người phụ nữ tên Nương ở thành phố Tô Chí Minh, về bán lại cho người đàn ông tên H ở tỉnh Gia Lai, hai người này bị cáo quen trên mạng xã hội, nên không biết rõ họ, địa chỉ; theo bị cáo việc mua bán tổ yến của bị cáo có lãi, nhưng bị cáo lại không giải thích được lý do tại sao không trả tiền cho các bị hại như đã hứa.

Các bị hại đều khai, tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng; các bị hại đều đề nghị xét xử nghiêm đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội, vẫn giữ Ng quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản Điểm a, Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo **Võ Thị Mỹ H** từ 16 đến 17 năm tù và bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Luật sư Nguyễn Hoài Ph bào chữa theo yêu cầu của bị cáo vắng mặt, nhưng gửi Luận cứ cho rằng: Quá trình giải quyết tố giác về tội phạm, Cơ quan điều tra đã chấp nhận Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tố giác là Võ Thị Mỹ H. Nhưng đến khi khởi tố vụ án, Cơ quan điều tra lại chấm dứt từ cách người bào chữa cho bị cáo đối với Luật sư, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không nhất trí với đề nghị của người bào chữa, giữ Ng lời luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên Quyết định mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo Võ Thị Mỹ H; nhưng một số người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và Luật sư Nguyễn Hoài Ph bào chữa theo yêu cầu của bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã Quyết định Hoãn phiên tòa đồng thời ấn định, sau đó thông báo thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 ngày 24/12/2019. Tại phiên tòa, tuy có một số bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt, nhưng đã được

triệu tập hợp Mỹ L đến lần thứ hai; còn Luật sư bào chữa theo yêu cầu của bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa. Xét sự vắng mặt của một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Luật sư bào chữa theo yêu cầu của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo tiến hành xét xử vụ án theo Điều 291, 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2] Từ khi khởi tố vụ án, Luật sư Nguyễn Hoài Ph không còn bào chữa cho bị cáo Võ Thị Mỹ H, nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên phân công; và Văn phòng Luật sư Huy H đã cử Luật sư Huỳnh Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị Mỹ H từ chối Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo, lý do: Bị cáo đã nhờ Luật sư Nguyễn Hoài Ph bào chữa; và được Tòa án chấp nhận, nên bị cáo từ chối Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo. Xét sự từ chối người bào chữa cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho bị cáo H là có cơ sở chấp nhận.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, của Điều tra viên trong quá trình giải quyết vụ án, theo Luật sư Nguyễn Hoài Ph là người bào chữa của bị cáo cho rằng, đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về quyền bào chữa và quá trình tố tụng với bị cáo. Hội đồng xét xử, thấy: Khi giải quyết đơn tố giác về tội phạm, người bị tố giác là Võ Thị Mỹ H nhờ Luật sư Nguyễn Hoài Ph để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho H; ngày 03/10/2018 thay vì Thông báo về việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tố giác theo Điều 83 Bộ luật Tố tụng hình sự; Cơ quan điều tra lại ban hành Văn bản Thông báo đăng ký người bào chữa, đồng ý để Luật sư bào chữa cho H; về Ng tắc “Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng”, trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, b, Khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nhưng đến ngày 26/11/2018, sau khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự, thay vì hướng dẫn cho người tham gia tố tụng, nếu xét thấy thủ tục cấp thông báo cho người bào chữa cần bổ sung, thì Cơ quan điều tra lại ban hành Văn bản trả lời kiến nghị cho Văn phòng Luật sư BH có nội dung: Từ thời điểm khởi tố vụ án, tư cách tham gia tố tụng của Luật sư Nguyễn Hoài Ph là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tố giác đương nhiên chấm dứt là chưa phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên phân công; và Văn phòng Luật sư Huy H đã cử Luật sư Huỳnh Thị T bào chữa cho bị cáo, trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo thống nhất không khiếu nại gì về người bào chữa; do đó việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp, chứ không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[2] Mặc dù, bị cáo Võ Thị Mỹ H không giải thích được bị cáo đã mua bán tổ yến với ai, ở đâu? Tại sao có lỗi, nhưng lại không trả tiền cho các bị hại. Tuy nhiên, bị cáo lại thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra ngoài các Biên bản hỏi cung thì có tới 04 Bản tự khai, 07 Biên bản ghi lời khai và 01 Biên bản hỏi cung sau khi kết thúc điều tra (Bút lục 1767, 1768) bị cáo đều thừa nhận hành

phạm tội là phù hợp với nhau; phù hợp với các tin nhắn giữa bị cáo với các bị hại; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đều được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, hoàn toàn khách quan, có giá trị chứng minh và đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ. Nên có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 04/2017 đến tháng 06/2018, Võ Thị Mỹ H đã đưa ra thông tin gian dối là đang mua, bán tổ yến có lãi, cần nhiều vốn để kinh doanh và sử dụng điện thoại, tin nhắn rủ rê các bị hại góp vốn, hứa sẽ trả lợi nhuận cao; để các bị hại tin tưởng đưa tiền, H liên tục gọi điện thoại, nhắn tin rủ, tự đặt ra đơn hàng, đưa ra mức tiền lãi cao rồi đưa cho các bị hại xem; những đơn hàng đầu để tạo lòng tin H kêu gọi người bị hại góp số tiền ít và được H trả gốc và lợi nhuận đúng hạn như đã hứa; sau khi thấy người bị hại đã tin tưởng, H yêu cầu họ chuyển số tiền nhiều hơn, nhận được tiền H không sử dụng mua, bán tổ yến và trả tiền lợi nhuận như đã hứa, mà chiếm đoạt số tiền 4.643.000.000 đồng của 13 người bị hại, cụ thể: Lê Thị Thị Ng Th 218.000.000 đồng; Lê Thị Ng Th1 1.848.900.000 đồng; Lê Thị Ng Th2 795.000.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết Nh 405.600.000 đồng; Nguyễn Trình Đ 131.000.000 đồng; Cao Thị Út H145.000.000 đồng; Phan Thị Thảo Ng 72.100.000 đồng; Nguyễn Thị Diễm Ph 141.400.000 đồng; Nguyễn Thị Kim H 286.200.000 đồng; Phạm Thị L 121.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ L 268.800.000 đồng; Hoàng Thị Ng 114.000.000 đồng và Phan Hữu H 96.000.000 đồng. Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo đưa ra thông tin gian dối và nhận được tiền của những người bị hại tin tưởng giao cho bị cáo; do đó, Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Võ Thị Mỹ H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, không cần Thết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung như Luận cứ của người bào chữa đề nghị.

[3] Bị cáo Võ Thị Mỹ H là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì lợi ích cá nhân, thái Đ xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tiền của người bị hại. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, mà còn thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên để xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo cũng khai rõ hành vi phạm tội của bản thân là thành khẩn khai báo, đã khắc phục trả lại cho 08 người bị hại số tiền **309.550.000 đồng**; trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2018 bị cáo đang có thai; nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, n, s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để lượng hình cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tổng số tiền mà bị cáo Võ Thị Mỹ H đã chiếm đoạt của 13 người là 4.643.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục trả lại cho 08 bị hại số tiền 309.550.000 đồng.

[4.1] Tại phiên tòa, có 12 bị hại và bị cáo thỏa thuận; bị cáo bồi thường cho các bị hại Lê Thị Thị Ng Th 218.000.000 đồng; Lê Thị Thị Ng Th1 1.848.900.000 đồng; Lê Thị Thị Ng Th2 742.100.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết Nh 351.400.000 đồng; Nguyễn Trình Đ 56.550.000 đồng; Cao Thị Út H145.000.000 đồng; Phan Thị Thảo Ng 42.100.000 đồng; Nguyễn Thị Diễm Ph 131.400.000 đồng; Nguyễn Thị Kim H

279.200.000 đồng; Phạm Thị L 84.000.000 đồng; Hoàng Thị Ng 114.000.000 đồng; Phan Hữu H 96.000.000 đồng; tổng cộng 4.108.650.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận.

[4.2] Đối với bị hại Nguyễn Thị Mỹ L bị chiếm đoạt số tiền 268.800.000 đồng, bị cáo Võ Thị Mỹ H đã khắc phục trả 44.000.000 đồng, còn lại 224.800.000 đồng; giữa bị cáo với bị hại đã thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Võ Thị Mỹ H bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và còn tiếp tục bồi thường 4.108.650.000 đồng nên phải chịu $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 108.650.000 \text{ đồng}) = 112.108.650 \text{ đồng}$ quy tròn là **112.108.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Mỹ L phí Tòa án;

[6] Đối với Huỳnh Thị Ng T, Huỳnh Thị Hồng L, Huỳnh Trọng K, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Thị Thị Ng Th, Bùi Thị Cẩm Ng đã cho H mượn số tài khoản ngân hàng để nhận tiền, riêng Toàn và Linh còn nhiều lần trực tiếp nhận tiền từ các bị hại rồi đưa lại cho H. Tuy nhiên, khi cho mượn số tài khoản và nhận tiền đều không biết mục đích của H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4 điều 174; Điểm b, n, s, Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ H 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt Th hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Võ Thị Mỹ H phải bồi thường cho các bị hại Lê Thị Thị Ng Th 218.000.000đ (*Hai trăm mười tám triệu đồng*); Lê Thị Thị Ng Th1 1.848.900.000đ (*Một tỷ, tám trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng*); Lê Thị Thị Ng Th2 742.100.000đ (*Bảy trăm bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thị Tuyết Nh 351.400.000đ (*Ba trăm năm mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng*); Nguyễn Trình Đ 56.550.000đ (*Năm mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*); Cao Thị Út H145.000.000đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); Phan Thị Thảo Ng 42.100.000đ (*Bốn mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thị Diễm Ph 131.400.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thị Kim H 279.200.000đ (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng*); Phạm Thị L 84.000.000đ (*Tám mươi bốn triệu đồng*); Hoàng Thị Ng 114.000.000đ (*Một trăm mười bốn triệu đồng*); Phan Hữu H 96.000.000đ (*Chín mươi sáu triệu đồng*).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Mỹ L phí Tòa án;

Bị cáo Võ Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **112.108.000** (*Một trăm mười hai triệu, một trăm lẻ tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th hành án) cho đến khi Th hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- P. KTNV THAHS;
- Bị cáo, NTGTT;
- Lưu THS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ng Tùng

